

THÀNH PHẦN LOÀI CÁ THUỘC BỘ CÁ NHEO (SILURIFORMES) Ở HỆ THỐNG SÔNG THU BỒN – VU GIA TỈNH QUẢNG NAM

VŨ THỊ PHƯƠNG ANH, VÕ VĂN PHÚ

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hệ thống sông Thu Bồn – Vu Gia có diện tích lưu vực là 10.350 km², chiếm trên 80% diện tích toàn tỉnh Quảng Nam, là một trong 9 hệ thống sông lớn của cả nước và là hệ thống sông lớn của khu vực miền Trung, với chiều dài sông chính 205 km [8]. Chúng có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Nam. Hạ lưu sông ở vùng đồng bằng, sông chảy quanh co với nền địa chất không ổn định, thường xuyên xảy ra xói lở ven bờ và tình trạng khai thác quá mức đã làm ảnh hưởng đến sinh thái, phân bố các nhóm cá trên sông. Để góp phần đánh giá về những giá trị sinh học của khu vực nghiên cứu, trong bài báo này chúng tôi công bố danh lục thành phần loài cá thuộc bộ cá Nheo (Siluriformes) mà mẫu vật đã được thu thập từ tháng 10/2005 đến tháng 8/2009 trên toàn bộ hệ thống sông Thu Bồn, Vu Gia.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Việc thu mẫu được tiến hành bằng cách đánh bắt trực tiếp cùng với ngư dân, mua mẫu cá của các ngư dân ở địa điểm nghiên cứu, đặt các bình có pha sẵn hóa chất định hình để nhờ các hộ ngư dân khai thác thủy sản trên sông thu thập thường xuyên trong thời gian nghiên cứu. Sau đó thu mẫu cá tại ngư dân mỗi tháng một lần. Mua và kiểm tra mẫu cá ở các chợ xung quanh khu vực nghiên cứu.

- Mẫu được định hình trong dung dịch formol 10%, bảo quản trong dung dịch formol 4% và được lưu giữ tại phòng thí nghiệm bộ môn Tài nguyên – Môi trường, khoa Sinh học, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

- Định loại các loài cá bằng phương pháp so sánh hình thái theo các khóa phân loại lưỡng phân và mô tả của Vương Dĩ Khang (1963) [3], Mai Đình Yên (1978, 1992) [6, 7], Nguyễn Khắc Hường (1991, 1993), Nguyễn Nhật Thi (1991, 1994, 2000), Trần Thị Thu Hương và Trương Thủ Khoa (1993), W. J. Rainboth (1996) [10], Kotellat (2001) [11], Nguyễn Văn Hào (2001, 2005) [4, 5]... Mỗi loài cá được nêu tên khoa học và tên Việt Nam. Trình tự các bộ, họ, giống, loài được sắp xếp theo hệ thống phân loại của W.N. Eschmeyer (2005), chuẩn tên loài theo tài liệu của FAO (1998) [9].

3. KẾT QUẢ

3.1. Danh lục thành phần loài

Dựa vào các tài liệu định loại cá nước ngọt Việt Nam và các vùng phụ cận, đã xác định được danh lục thành phần loài cá thuộc bộ cá Nheo (Siluriformes) ở hệ thống sông Thu Bồn – Vu Gia gồm 16 loài, nằm trong 10 giống, thuộc 6 họ khác nhau (bảng 1).

Bảng 1. Danh lục thành phần loài cá thuộc bộ cá Nheo (Siluriformes)
ở hệ thống sông Thu Bồn – Vu Gia, tỉnh Quảng Nam

	TÊN KHOA HỌC	TÊN VIỆT NAM
	SILURIFORMES	BỘ CÁ NHEO
(1)	Bagridae	Họ cá Lăng
1	<i>Mystus gulio</i> (Hamilton, 1822)	Cá Chốt
2	<i>Hemibagrus centralus</i> Yen, 1978	Cá Lăng Quảng Bình
3	<i>H. guttatus</i> (Lacépède, 1803)	Cá Lăng Chấm
(2)	Cranoglanidae	Họ cá Ngạnh
4	<i>Cranoglanis henrici</i> (Vallant, 1893)	Cá Ngạnh thường
5	<i>C. boudierius</i> (Richardson, 1846)	Cá Ngạnh thon
(3)	Siluridae	Họ cá Nheo
6	<i>Silurus asotus</i> (Linnaeus, 1758)	Cá Nheo
7	<i>Pterocryptis cochinchinensis</i> (Cuvier & Valenciennens, 1840)	Cá Thèo
8	<i>Wallago attu</i> (Bloch & Schneider, 1801)	Cá Leo
(4)	Sisoridae	Họ cá Chiên
9	<i>Bagarius yarrelli</i> (Sykes, 1841)	Cá Chiên nam
10	<i>Glyptothorax macromaculatus</i> Li, 1984	Cá Chiên suối đốm lớn
(5)	Clariidae	Họ cá Trê
11	<i>Clarias fuscus</i> (Lacepede, 1803)	Cá Trê đen
12	<i>C. batrachus</i> (Linnaeus, 1785)	Cá Trê trắng
13	<i>C. macrocephalus</i> Günther, 1864	Cá Trê vàng
14	<i>C. gariepinus</i> (Burchell, 1882)	Cá Trê phi
(6)	Ariidae	Họ cá Úc
15	<i>Arius sciurus</i> Smith, 1931	Cá Úc trắng
16	<i>A. maculatus</i> (Thunberg, 1791)	Cá Úc chấm

3.2. Cấu trúc thành phần loài

Qua kết quả nghiên cứu về thành phần loài cá thuộc bộ cá Nheo (Siluriformes), đã xác định được 16 loài cá nằm trong 10 giống, thuộc 6 họ.

Bảng 2. Số lượng các họ, giống và loài của bộ cá Nheo (Siluriformes) ở hệ thống sông Thu Bồn – Vu Gia

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Giống		Loài	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Bagridae	Họ cá Lăng	2	20,00	3	18,75
2	Cranoglanididae	Họ cá Ngạnh	1	10,00	2	12,50
3	Siluridae	Họ cá Nheo	3	30,00	3	18,75
4	Sisoridae	Họ cá Chiên	2	20,00	2	12,50
5	Clariidae	Họ cá Trê	1	10,00	4	25,00
6	Ariidae	Họ cá Úc	1	10,00	2	12,50
Tổng cộng			10	100	16	100

Về bậc giống: Trong số 6 họ cá thuộc bộ cá Nheo thì họ cá Nheo (Siluridae) là chiếm ưu thế nhất có 3 giống (chiếm 30%), tiếp đến là họ cá Lăng (Bagridae) và họ cá Chiên (Sisoridae) có 2 giống (chiếm 20%), các họ còn lại mỗi họ chỉ có một giống.

Về bậc loài: Ưu thế nhất là họ cá Trê (Clariidae) có 4 loài (chiếm 25%), tiếp đến là các họ cá Lăng (Bagridae) và họ cá Nheo (Siluridae) có 3 loài (chiếm 18,75%). Các họ còn lại mỗi họ có hai loài.

4. KẾT LUẬN

Thành phần loài cá thuộc bộ cá Nheo (Siluriformes) ở hệ thống sông Thu Bồn - Vu Gia, tỉnh Quảng Nam khá đa dạng. Đã xác định được 16 loài cá nằm trong 10 giống thuộc 6 họ.

Số loài phong phú nhất thuộc về họ cá Trê (Clariidae) với 4 loài (chiếm 25%), tiếp theo là Siluridae và Bagridae (3 loài). Các họ còn lại mỗi họ có 2 loài.

Đề nghị

Cần sớm có giải pháp bảo vệ nguồn lợi cá ở hệ thống sông Thu Bồn, Vu Gia và xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên để bảo tồn trong khu hệ. Nghiêm cấm khai thác cá bằng những ngư cụ lạc hậu hiện còn sử dụng khá phổ biến trên sông như xung điện, nổ mìn...

Nhân rộng các mô hình nuôi cá để giảm áp lực tới khai thác nguồn lợi cá tự nhiên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Sách đỏ Việt Nam, Phần động vật, Nhà xuất bản khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2007.
- Nguyễn Hữu Dực - Góp phần nghiên cứu khu hệ cá nước ngọt Nam Trung bộ, Tóm tắt luận án PTS Khoa học Sinh học, Hà Nội, 1995.

3. Vương Dĩ Khang - Ngư loại phân loại học (Nguyễn Bá Mão dịch), Nhà xuất bản Nông thôn, Hà Nội, 1963.
4. Nguyễn Văn Hào - Cá nước ngọt Việt Nam, Tập 1, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2001.
5. Nguyễn Văn Hào - Cá nước ngọt Việt Nam, Tập 2 và Tập 3, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2005.
6. Mai Đình Yên - Định loại cá nước ngọt các tỉnh miền Bắc Việt Nam, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1978.
7. Mai Đình Yên - Định loại cá nước ngọt Nam Bộ, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1992.
8. Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn tỉnh Quảng Nam - Đặc điểm thủy văn tỉnh Quảng Nam, 2001.
9. FAO - Catalog of Fish, Volume 1, 2, 3, California Academy of Sciences, 1998.
10. Rainboth W. J - Fishes of the Cambodian Mekong, FAO, 1996.
11. Kottelat M. - Freshwater fishes of Northern Vietnam, The World Bank, 2001.
12. D. V. Serov, V. K. Nezdoli, D. S. Pavlov - The freshwat Fishes of central Vietnam, M: KMK Scientific Press Ltd., 2006, 364 p.

SUMMARY

STUDY ON THE FISH SPECIES'S COMPOSITION OF SILURIFORMES IN THU BON – VU GIA RIVER, QUANG NAM PROVINCE

Species is composition of the fishes belonging to Siluriformes in Thu Bon – Vu Gia river has a quite biodiversity. The Siluriformes have 16 species belonging to 10 genus and 6 families. Among which, the Clariidae is the most plentiful one's with 4 species. Siluridae and Bagridae with 3 species. Cranoglanidae, Bagaridae and Ariidae with 2 species.

Địa chỉ:

Nhận bài ngày 12 tháng 8 năm 2009

Vũ Thị Phương Anh,

Trường Đại học Quảng Nam.

Võ Văn Phú,

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.